

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN NĂM 2026
Từ ngày hiệu lực 01/01/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	136.163.000.000	84.116.146.002	84.116.146.002	62	175
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	136.163.000.000	82.568.699.921	82.568.699.921	61	173
I	Chi đầu tư phát triển		3.495.035.000	3.495.035.000		134
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực		3.495.035.000	3.495.035.000		
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả lãi, phí tiền vay					
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	130.602.750.000	78.636.728.921	78.636.728.921	60	174
	Trong đó:					
1	Chi quốc phòng	1.709.000.000	2.015.884.300	2.015.884.300	118	290
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	370.000.000	438.080.000	438.080.000	118	301
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	59.261.000.000	35.463.046.319	35.463.046.319	60	339
4	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	150.000.000				
5	Chi y tế, dân số và gia đình	6.528.000.000	3.190.023.197	3.190.023.197	49	5.573
6	Chi văn hoá thông tin	425.000.000	260.802.450	260.802.450	61	286
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	90.000.000				
8	Chi thể dục thể thao	100.000.000				
9	Chi bảo vệ môi trường	1.000.000.000				
10	Chi các hoạt động kinh tế	9.672.000.000	457.647.791	457.647.791	5	28
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	27.800.750.000	17.856.964.493	17.856.964.493	64	78
12	Chi đảm bảo xã hội	22.752.000.000	18.954.280.371	18.954.280.371	83	318
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	745.000.000				
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.354.000.000	436.936.000	436.936.000	19	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế	1.846.250.000				
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					
C	CHI CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH		1.547.446.081	1.547.446.081		992
1	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
1.1	Bổ sung cân đối					
1.2	Bổ sung có mục tiêu					
2	Chi nộp ngân sách cấp trên		1.547.446.081	1.547.446.081		992
3	Chi hỗ trợ các địa phương khác					